

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**
Số: **34** /2021/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đắk Lắk, ngày **05** tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất
chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2020/TT-BTTTT ngày 24/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 75/TTr-STTTT ngày 20/8/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (Có Định mức kèm theo).

Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện việc xây dựng định mức chi phí, đơn giá sản xuất các chương trình phát thanh đảm bảo đủ điều kiện phát sóng hoặc đăng tải trên Internet theo quy định của pháp luật về báo chí.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định này, bao gồm:

a) Các cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh.

b) Các cơ quan báo chí được cấp phép hoạt động phát thanh (sau đây gọi tắt là cơ quan báo nói) sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất chương trình phát thanh.

c) Các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Khuyến khích cơ quan, tổ chức không sử dụng ngân sách nhà nước để sản xuất các chương trình phát thanh áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc thực hiện Quyết định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Đối với các chương trình phát thanh chưa có trong định mức kinh tế - kỹ thuật kèm theo Quyết định này, hoặc trong quá trình triển khai thực hiện nếu xét thấy cần thiết điều chỉnh, bổ sung thì cơ quan báo nói của tỉnh và các cơ quan có liên quan chủ động phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để tham mưu UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 11 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ TTTT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- VP: Tỉnh ủy, ĐTBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn (UBND cấp huyện sao gửi);
- PCVP UBND tỉnh;
- Các Phòng, TT: TH, KT, TTCB, QL Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Nh-30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

MỤC LỤC

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Chương II. DANH MỤC MÃ HIỆU ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH

- 13.01.00.00.00 Bản tin thời sự
- 13.01.00.01.00 Bản tin thời sự trực tiếp
- 13.01.00.02.00 Bản tin thời sự ghi âm phát sau
- 13.02.00.00.00 Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- 13.03.00.00.00 Bản tin tiếng dân tộc
- 13.04.00.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp
- 13.04.00.01.00 Chương trình thời sự tổng hợp trực tiếp
- 13.04.00.02.00 Chương trình thời sự tổng hợp ghi âm phát sau
- 13.05.00.00.00 Chương trình tiếng nước ngoài
- 13.05.01.01.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài trực tiếp
- 13.05.01.02.00 Bản tin thời sự tiếng nước ngoài ghi âm phát sau
- 13.05.02.00.00 Bản tin chuyên đề tiếng nước ngoài
- 13.05.03.00.00 Chương trình thời sự tổng hợp tiếng nước ngoài ghi âm phát sau
- 13.06.00.00.00 Bản tin thời tiết
- 13.07.00.00.00 Chương trình tư vấn
- 13.07.00.01.00 Chương trình tư vấn trực tiếp
- 07.00.02.00 Chương trình tư vấn phát sau
- 13.08.00.00.00 Chương trình tọa đàm
- 13.08.00.01.00 Chương trình tọa đàm trực tiếp
- 13.08.00.02.00 Chương trình tọa đàm ghi âm phát sau
- 13.09.00.00.00 Chương trình tạp chí
- 10.00.00.00 Chương trình điểm báo
- 10.00.01.00 Chương trình điểm báo trong nước trực tiếp
- 10.00.02.00 Chương trình điểm báo trong nước phát sau
- 13.11.00.00.00 Phóng sự
- 13.11.01.00.00 Phóng sự chính luận
- 13.11.02.00.00 Phóng sự chân dung

- 13.11.03.00.00 Phóng sự điều tra
- 13.12.00.00.00 Chương trình tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh
- 13.13.00.00.00 Chương trình giao lưu
- 13.13.00.01.00 Chương trình giao lưu trực tiếp
- 13.13.00.02.00 Chương trình giao lưu ghi âm phát sau
- 13.14.00.00.00 Chương trình bình luận
- 13.15.00.00.00 Chương trình xã luận
- 13.16.00.00.00 Tiểu phẩm
- 13.17.00.00.00 Game show
- 13.17.00.10.00 Game show phát trực tiếp
- 13.17.00.20.00 Game show phát sau
- 13.18.00.00.00 Biên tập kịch truyền thanh
- 13.19.00.00.00 Biên tập ca kịch
- 13.20.00.00.00 Thu tác phẩm mới
- 13.20.10.00.00 Thu truyện
- 13.20.20.00.00 Thu thơ, thu nhạc
- 13.21.00.00.00 Đọc truyện
- 13.22.00.00.00 Phát thanh văn học
- 13.23.00.00.00 Bình truyện
- 13.24.00.00.00 Trả lời thính giả ghi âm phát sau
- 13.24.10.00.00 Trả lời thính giả dạng điều tra
- 13.24.20.00.00 Trả lời thính giả dạng không điều tra
- 13.25.00.00.00 Chương trình phổ biến kiến thức
- 13.25.10.00.00 Chương trình dạy Tiếng Việt
- 13.25.20.00.00 Chương trình dạy tiếng nước ngoài
- 13.25.30.00.00 Chương trình dạy học hát
- 13.25.40.00.00 Chương trình dạy học chuyên ngành
- 13.26.00.00.00 Biên tập bộ nhạc hiệu, nhạc cắt chương trình
- 13.27.00.00.00 Show phát thanh
- 13.27.00.01.00 Show phát thanh trực tiếp
- 13.27.00.02.00 Show phát thanh phát sau

**Định mức kinh tế - kỹ thuật
về sản xuất chương trình phát thanh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**
(Ban hành kèm theo Quyết định số **34**/2021/QĐ-UBND ngày **05**/11/2021
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

I. Giải thích từ ngữ

Trong định mức các từ ngữ này được hiểu như sau:

1. "Chương trình phát thanh" là tập hợp các tin, bài trên báo nói theo một chủ đề trong thời lượng nhất định, có dấu hiệu nhận biết mở đầu và kết thúc.

2. "Tư liệu khai thác" bao gồm:

Các chương trình phát thanh đã phát sóng được khai thác, sử dụng lại một phần trong sản xuất chương trình mới;

Các tư liệu âm thanh do đơn vị sản xuất hoặc của các đơn vị khác sản xuất được sử dụng cho việc sản xuất chương trình phát thanh mới.

3. "Khung bản tin thời sự" là danh mục tin, bài, phóng sự ngắn,... được phát trong chương trình thời sự.

4. "Bản tin thời sự" là chương trình phát thanh bao gồm những tin, bài trong nước và quốc tế; mang tính chất cập nhật những sự kiện đơn lẻ, mới diễn ra tại thời điểm đưa tin.

5. "Bản tin chuyên đề" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, bài mang tính chuyên sâu về một lĩnh vực như: văn hóa, kinh tế,...

6. "Bản tin thời sự tiếng nước ngoài" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, phóng sự đã có, được biên tập, biên dịch sang tiếng nước ngoài.

7. "Chương trình thời sự tổng hợp" là chương trình phát thanh đề cập nội dung, chủ đề về sự kiện, lĩnh vực xã hội quan tâm và có hình thức thể hiện đa dạng, phong phú.

8. "Bản tin thời tiết" là chương trình phát thanh về nội dung thời tiết.

9. "Bản tin tiếng dân tộc" là chương trình phát thanh bao gồm các tin, phóng sự đã phát sóng bằng tiếng Việt (tiếng dân tộc Kinh) được biên dịch sang tiếng dân tộc thiểu số.

10. "Chương trình tư vấn" là chương trình phát thanh có nội dung tư vấn, giải đáp, trao đổi và hướng dẫn kiến thức về một chủ đề, lĩnh vực cho thính giả.

11. "Chương trình tọa đàm - giao lưu" là chương trình phát thanh thể hiện các nội dung trao đổi, thảo luận về vấn đề, sự kiện, hiện tượng nảy sinh trong cuộc sống được xã hội quan tâm.

12. "Chương trình tạp chí" là chương trình phát thanh chuyên sâu về một lĩnh vực nào đó trong đời sống xã hội.

13. "Phóng sự" là chương trình phát thanh chuyên tải thông tin, phân tích sâu, đánh giá và định hướng dư luận xã hội về những sự kiện, sự việc và vấn đề được đông đảo quần chúng quan tâm.

14. "Xã luận" là chương trình phát thanh thể hiện lập trường, quan điểm của cơ quan báo chí về một vấn đề quan trọng, mang tính thời sự của xã hội.

15. "Bình luận" là chương trình phát thanh thể hiện lập trường, quan điểm của người viết về một vấn đề đang được xã hội quan tâm.

16. "Tường thuật trực tiếp trên sóng phát thanh" là chương trình phát thanh được sản xuất và phát sóng trực tiếp khi sự kiện đang diễn ra.

17. "Trả lời thính giả" là chương trình phát thanh có nội dung giải đáp các câu hỏi của thính giả.

18. "Chương trình tiêu phẩm phát thanh" là chương trình phát thanh có nội dung ngắn về vấn đề thời sự có tính chất châm biếm, hài hước hoặc đả kích một sự việc có thực, cụ thể hoặc khái quát.

19. "Kịch truyền thanh" là chương trình phát thanh dùng diễn xuất của diễn viên để truyền tải nội dung tuyên truyền.

20. "Ca kịch" là chương trình phát thanh thể hiện bằng lời hát và nhạc truyền tải nội dung theo kịch bản.

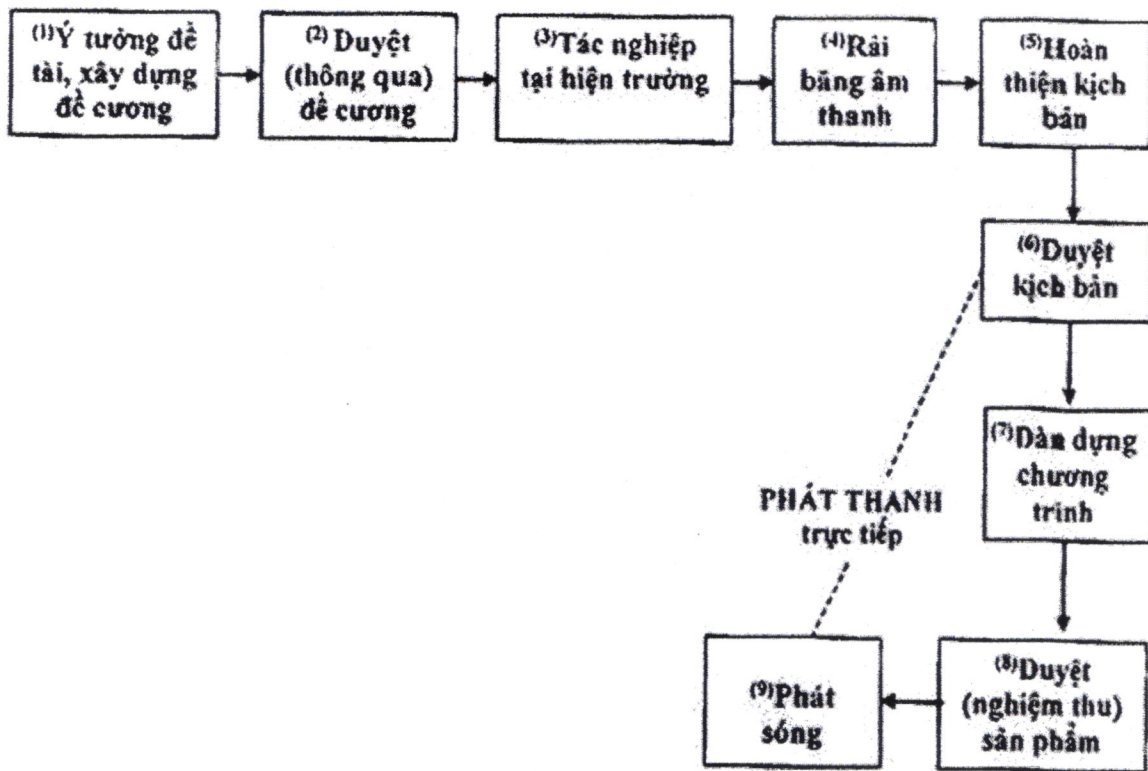
21. "Chương trình phổ biến kiến thức" là chương trình phát thanh cung cấp cho thính giả những kiến thức về một lĩnh vực nào đó, theo giáo án, bài giảng.

22. "Show phát thanh" là chương trình phát thanh tổng hợp có nội dung theo chủ đề nhất định, hình thức thể hiện linh hoạt và phong phú, trong đó có sử dụng nhiều thể loại phát thanh.

21. "Phóng sự linh kiện" là phóng sự ngắn dùng trong một số thể loại phát thanh (tạp chí, tọa đàm...) có mục đích dùng làm rõ thêm nội dung của vấn đề cần truyền tải tới thính giả.

II. Quy trình sản xuất chương trình phát thanh

Định mức ban hành kèm theo Quyết định này được xây dựng trên cơ sở quy trình sản xuất chương trình phát thanh sau đây:



Giải thích:

(1)(2): Trước khi đi tác nghiệp tại hiện trường các phóng viên phải thu thập thông tin, đề xuất ý tưởng đề tài (hoặc nhận ý tưởng từ chỉ đạo của lãnh đạo cơ quan báo chí), có đề cương sơ bộ về nội dung triển khai và được cấp có thẩm quyền thông qua.

(3): Tác nghiệp tại hiện trường: Phóng viên xuống hiện trường thu thập thông tin liên quan đến nội dung tác phẩm cần thể hiện.

(4)(5)(6): Rải băng âm thanh: Nghe và viết lại nội dung ghi âm được trong quá trình tác nghiệp tại hiện trường, biên tập tác phẩm phát thanh bao gồm nội dung và âm thanh và đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(7): Dàn dựng chương trình: Cắt trích file tiếng động, thu thanh và dàn dựng chương trình theo kịch bản được duyệt.

(8)(9): Cấp thẩm quyền duyệt (nghiệm thu) sản phẩm và gửi lên hệ thống lưu trữ, chờ phát sóng chương trình.

III. Nội dung định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm nội dung và mức hao phí trực tiếp để hoàn thành một khối lượng công việc nhất định (được mô tả trong thành phần công việc) trong sản xuất chương trình phát thanh. Cụ thể:

Hao phí vật liệu: Là số lượng các loại vật liệu (giấy, mực in) cần thiết sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chương trình phát thanh.

Hao phí nhân công: Là thời gian lao động cần thiết của các cấp bậc lao động bình quân thực tế tham gia sản xuất chương trình phát thanh. Mức hao phí trong định mức được tính bằng công, mỗi công tương ứng với 8h làm việc.

Hao phí máy sử dụng: Là thời gian các loại thiết bị sử dụng trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh. Máy, thiết bị để sản xuất chương trình phát thanh thể hiện trong bảng định mức là loại thiết bị phổ biến, tiên tiến mà các cơ quan báo nói đang sử dụng. Mức hao phí thiết bị tính trong định mức được tính bằng giờ sử dụng máy.

Các hao phí khác: Năng lượng, vật liệu khác,... được tính và phân bổ cho sản xuất các chương trình phát thanh khi lập đơn giá, dự toán.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất chương trình phát thanh không bao gồm:

a) Các hao phí truyền dẫn, phát sóng, đăng tải chương trình lên mạng Internet;

b) Hao phí lao động của khối quản lý (bộ phận gián tiếp) của cơ quan báo nói;

c) Hao phí lao động của diễn viên tham gia diễn xuất tiểu phẩm, ca kịch, kịch truyền thanh; hòa âm, phối khí của nhạc sỹ, nghệ sỹ;... Các hao phí này được áp dụng theo định mức chuyên ngành theo quy định của pháp luật.

IV. Kết cấu bảng định mức

1. Kết cấu bộ định mức

Kết cấu bộ định mức bao gồm 2 phần:

a) Phần 1: Hướng dẫn chung;

b) Phần 2: Định mức sản xuất chương trình phát thanh.

2. Kết cấu bảng định mức

Mỗi bảng định mức sản xuất chương trình phát thanh được trình bày bao gồm: Mã hiệu, thành phần công việc, bảng định mức, ghi chú. Trong đó:

a) Thành phần công việc: Là các nội dung công việc chính thực hiện sản xuất một chương trình phát thanh;

b) Bảng định mức: Bao gồm các thành phần và mức hao phí về: Nhân công; máy sử dụng; vật liệu để sản xuất chương trình phát thanh.

V. Áp dụng định mức

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này là định mức tối đa áp dụng để quản lý sản xuất chương trình phát thanh do cơ quan báo chí thực hiện trong phạm vi danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Cơ quan báo chí căn cứ vào quy định về áp dụng Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này để quy định chi tiết việc áp dụng định

mức phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất chương trình phát thanh tại cơ quan mình.

3. Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện (bao gồm: Đài Truyền thanh, Đài Truyền thanh - Truyền hình cấp huyện, Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa cấp huyện,...): Căn cứ điều kiện cụ thể về hoạt động sản xuất các chương trình phát thanh, cơ quan có thẩm quyền tại địa phương xem xét, ban hành định mức sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách địa phương để quản lý, đảm bảo yêu cầu sau:

a) Chức danh, cấp bậc lao động yêu cầu tham gia sản xuất chương trình phát thanh: Căn cứ vào Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này, điều chỉnh chức danh và cấp bậc lao động cho phù hợp với thực tế tại cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện;

b) Hao phí nhân công, hao phí máy sử dụng: Tổng mức hao phí về nhân công, tổng mức hao phí máy sử dụng sản xuất chương trình phát thanh không vượt quá 70% tổng mức hao phí nhân công, tổng mức hao phí máy sử dụng có cùng thể loại, thời lượng chương trình trong Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Quyết định này.

4. Đối với các chương trình có thời lượng sản xuất thực tế (không bao gồm thời lượng quảng cáo, nếu có) có sai số tăng, giảm không quá 3% (nhưng không quá 30 giây đối với chương trình có thời lượng từ 10 phút trở lên) so với thời lượng chương trình của định mức thì được áp dụng theo định mức cụ thể do cơ quan có thẩm quyền đã quy định.

Đối với các chương trình phát thanh có thời lượng sản xuất thực tế không có trong bảng định mức ban hành thì áp dụng công thức để nội suy ra mức hao phí theo thời lượng thực tế của chương trình có cùng thể loại, cụ thể:

a) Trường hợp định mức sản xuất chương trình đã ban hành có hai nấc thời lượng mà việc sản xuất chương trình thực tế có cùng thể loại nhưng có thời lượng khác với thời lượng và nằm trong khoảng giữa hai nấc thời lượng trong bảng định mức thì định mức hao phí theo thời lượng thực tế được tính bằng công thức nội suy:

$$A = a_1 + (a_2 - a_1) \times (B - b_1) : (b_2 - b_1)$$

Trong đó:

A: Định mức các thành phần hao phí sản xuất chương trình phát thanh (nhân công, vật liệu, máy sử dụng) tương ứng với thời lượng B

B: Thời lượng chương trình cần xác định định mức (phút)

b_1 : Thời lượng tại cận dưới liền kề với thời lượng B (phút)

b_2 : Thời lượng tại cận trên liền kề với thời lượng B (phút)

a_1 : Định mức các thành phần hao phí tại cận dưới thời lượng b_1

a_2 : Định mức các thành phần hao phí tại thời lượng b_2

b) Trường hợp định mức sản xuất thể loại chương trình đã ban hành chỉ có một thời lượng hoặc thời lượng của chương trình sản xuất ngoài khoảng thời lượng tối thiểu hoặc tối đa trong thể loại thì định mức hao phí theo thời lượng chương trình sản xuất thực tế được tính bằng công thức như sau:

$$A = (a_1 : b_1) \times B$$

A: Định mức hao phí sản xuất chương trình phát thanh (nhân công, vật liệu, máy sử dụng) cần xác định định mức theo thời lượng B

B: Thời lượng chương trình phát thanh cần xác định định mức (phút)

a_1 : Định mức hao phí sản xuất chương trình tại thời lượng b_1

b_1 : Thời lượng chương trình tương ứng với định mức a_1 đã quy định.

5. Trường hợp sản xuất các chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung chương trình phát thanh đã có (chia thành các trường hợp thời lượng kế thừa: đến 30%; trên 30% đến 50%; trên 50% đến 70%; trên 70%), đơn vị sản xuất căn cứ vào thực tế sản xuất để áp dụng định mức phù hợp, cụ thể:

a) Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung chương trình phát thanh đã có (tư liệu thuộc bản quyền của đơn vị) thì áp dụng định mức theo khung tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu trong chương trình đã được quy định trong định mức và không tính thêm chi phí về bản quyền thuộc sở hữu của đơn vị khi thanh quyết toán;

b) Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh có khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung đã có không thuộc bản quyền của đơn vị, cơ quan chủ quản phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện hành, áp dụng định mức theo khung tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu đã được quy định trong định mức. Đối với chi phí mua bản quyền (nếu có) được tính khi lập giá, đơn giá, dự toán sản xuất chương trình.

Cơ quan báo nói chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong áp dụng định mức tỷ lệ thời lượng khai thác lại tư liệu, kế thừa nội dung theo thực tế nghiệm thu sản xuất từng chương trình phát thanh tại cơ quan mình.

6. Số lượng tin, bài trong một số thể loại chương trình phát thanh đã ghi chú ở một số bảng mức là số lượng tin, bài bình quân phổ biến. Trường hợp số lượng tin, bài thực tế trong chương trình đã sản xuất khác với số lượng tin, bài bình quân phổ biến nhưng đảm bảo đủ yêu cầu về kết cấu theo từng thể loại và thời lượng của chương trình thì được áp dụng định mức đã quy định trong bảng mức.

7. Trường hợp sản xuất chương trình phát thanh được biên tập toàn bộ từ các tác phẩm thơ, ca nhạc đã thu thanh thì mỗi bài thơ, ca nhạc biên tập thể hiện trong chương trình được tính định mức hao phí bằng tỷ lệ % định mức của chương trình thu tác phẩm mới thời lượng 5 phút (thu thơ, thu nhạc, mã hiệu: 13.20.20.00.00). Tỷ lệ % cụ thể do cơ quan báo nói quyết định phù hợp với từng chương trình nhưng không vượt quá 17% tổng định mức các hao phí thành phần (nhân công, máy sử dụng) của chương trình thu thơ, thu nhạc.

Định mức hao phí của chương trình biên tập toàn bộ từ các tác phẩm thơ, ca nhạc đã thu thanh bằng (=) số lượng tác phẩm (thơ, ca nhạc) biên tập trong chương trình nhân (x) tỷ lệ % định mức thu thơ, thu nhạc.

8. Định mức sản xuất chương trình phát thanh là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt đơn giá, giá, dự toán kinh phí sản xuất chương trình phát thanh sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật. Trong đó:

a) Xác định các chức danh lao động:

- Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức, được áp dụng theo Quyết định liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07/4/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông - Bộ Nội vụ về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của các chức danh viên chức Biên tập viên, Phóng viên, Biên dịch viên và Đạo diễn truyền hình thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông và Quyết định số 46/2017-TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ TTTT quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức Âm thanh viên, Phát thanh viên, Kỹ thuật dựng phim, Quay phim thuộc chuyên ngành thông tin và truyền thông;

- Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Quyết định liên tịch số 11/2016/TTLT-BTTTT-BNV ngày 07 tháng 4 năm 2016 và Quyết định số 46/2017-TT-BTTTT ngày 29/12/2017 thì áp dụng theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

b) Định mức này quy định các hao phí trực tiếp trong sản xuất chương trình phát thanh. Khi lập dự toán sản xuất chương trình phát thanh, ngoài việc xác định các chi phí trực tiếp trên cơ sở định mức được tính bổ sung các chi phí sau:

- Chi phí di chuyển của lao động trực tiếp sản xuất đến nơi tác nghiệp ở ngoài phạm vi địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương mà cơ quan sản xuất chương trình phát thanh đóng trụ sở (nếu có);

- Chi phí chuyên gia (nếu có);

- Chi phí quản lý chung cho sản xuất các chương trình phát thanh;

- Chi phí biểu diễn nghệ thuật thể hiện trong chương trình phát thanh (nếu có);

- Chi phí mua tài liệu, bản quyền (nếu có).

Chương II

ĐỊNH MỨC SẢN XUẤT CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT THANH

13.01.00.00.00 Bản tin thời sự

13.01.00.01.00 Bản tin thời sự trực tiếp

1. BẢN TIN THỜI SỰ TRỰC TIẾP THỜI LƯỢNG 5 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:
 - + Đề xuất chủ đề
 - + Duyệt chủ đề
 - + Tác nghiệp tại hiện trường
 - + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
 - + Viết lời dẫn và nội dung tin
 - + Duyệt tin
 - + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
 - + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ
- Biên tập tin quốc tế:
 - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
 - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
 - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Tổ chức sản xuất bản tin:
 - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
 - + Lập khung bản tin thời sự
 - + Duyệt khung bản tin
 - + Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện
 - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Dựng âm thanh tiếng động theo kịch bản được duyệt
 - + Thu thanh và phát trực tiếp bản tin.
 - + Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)

b) Định mức sản xuất bản tin thời sự trực tiếp

b1) Thời lượng 05 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.01.01	<u>Nhân công</u>(Chức danh - cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,21	0,17	0,13	0,08	0,03
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,14	0,12	0,09	0,07	0,05
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,04	0,04	0,03	0,02	0,02
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
	Đạo diễn	6/9	Công	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,01	0,01	0,01	0,01	0,02
	Kỹ thuật viên	9/12	Công	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,01	0,01	0,004	0,003	0,001
	Phát thanh viên hạng II	1/8	Công	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06

	Phóng viên hạng III	3/9	Công	1,57	1,26	0,94	0,63	0,24
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	0,45	0,36	0,27	0,18	0,07
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,27	0,25	0,23	0,21	0,18
	Hệ thống phòng truyền âm		Giờ	0,42	0,42	0,42	0,42	0,42
	Máy ghi âm		Giờ	9,67	7,73	5,80	3,87	1,45
	Máy in		Giờ	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01
	Máy tính		Giờ	4,55	3,73	2,92	2,10	1,08
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

Ghi chú: Số lượng tin	
Thời lượng phát sóng	05 phút
Tin trong nước	4
Tin quốc tế	3

2. BẢN TIN THỜI SỰ TRỰC TIẾP THỜI LƯỢNG 10 PHÚT, 15 PHÚT

- a) Thành phần công việc
- Sản xuất tin trong nước:
 - + Đề xuất chủ đề
 - + Duyệt chủ đề
 - + Tác nghiệp tại hiện trường
 - + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
 - + Viết lời dẫn và nội dung tin
 - + Duyệt tin
 - + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
 - + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự trong nước:
 - + Đề xuất ý tưởng
 - + Duyệt ý tưởng
 - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
 - + Tác nghiệp tại hiện trường
 - + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
 - + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
 - + Duyệt phóng sự
 - + Trích âm thanh phỏng vấn
 - + Thu thanh phóng sự
 - + Dựng phóng sự
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Biên tập tin quốc tế:
 - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
 - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
 - + Duyệt lời dẫn, nội dung
- Tổ chức sản xuất bản tin:
 - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
 - + Lập khung bản tin thời sự
 - + Duyệt khung bản tin
 - + Nhận tin bài và đôn đốc các đơn vị thực hiện
 - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Dựng âm thanh tiếng động theo kịch bản được duyệt
 - + Thu thanh và phát trực tiếp bản tin
 - + Hoàn thiện chương trình (sửa lỗi sau khi phát trực tiếp)
- b) Định mức sản xuất bản tin thời sự trực tiếp
 - b1) Thời lượng 10 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.01.02	<u>Nhân công</u> (Chức danh-cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,28	0,23	0,17	0,11	0,04
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,24	0,20	0,16	0,12	0,08
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,06	0,06	0,04	0,03	0,02
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
	Đạo diễn	6/9	Công	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,07	0,06	0,04	0,03	0,01
	Kỹ thuật viên	9/12	Công	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,02	0,01	0,01	0,01	0,00 ₃
	Phát thanh viên hạng II	1/8	Công	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	3,25	2,60	1,95	1,30	0,49
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	1,45	1,19	0,94	0,68	0,36

	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,55	0,44	0,33	0,22	0,08
	Hệ thống phòng truyền âm		Giờ	0,58	0,58	0,58	0,58	0,58
	Máy ghi âm		Giờ	18,08	14,47	10,85	7,23	2,71
	Máy in		Giờ	0,04	0,04	0,03	0,03	0,03
	Máy tính		Giờ	8,06	6,56	5,05	3,54	1,66
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
	Mực in		Hộp	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02

Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự	
Thời lượng phát sóng	10 phút
Tin trong nước	5
Phóng sự ngắn trong nước	1
Tin quốc tế	4

b2) Thời lượng 15 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.01.03	<u>Nhân công</u> (Chức danh-cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,28	0,23	0,17	0,11	0,04
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,41	0,36	0,31	0,25	0,19
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,09	0,08	0,06	0,04	0,03
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,23	0,23	0,23	0,23	0,23

	Đạo diễn	6/9	Công	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,13	0,10	0,08	0,05	0,02
	Kỹ thuật viên	9/12	Công	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,03	0,02	0,02	0,01	0,005
	Phát thanh viên hạng II	1/8	Công	0,25	0,25	0,25	0,25	0,25
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	4,94	3,95	2,96	1,98	0,74
<u>Máy sử dụng</u>								
	Hệ thống dựng		Giờ	2,58	2,17	1,75	1,33	0,81
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	1,01	0,81	0,60	0,40	0,15
	Hệ thống phòng truyền âm		Giờ	1,00	1,00	1,00	1,00	1,00
	Máy ghi âm		Giờ	26,50	21,20	15,90	10,60	3,98
	Máy in		Giờ	0,06	0,05	0,05	0,05	0,04
	Máy tính		Giờ	12,22	10,14	8,05	5,97	3,36
<u>Vật liệu sử dụng</u>								
	Giấy	A4	Ram	0,09	0,09	0,09	0,09	0,09
	Mực in		Hộp	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03

Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự	
Thời lượng phát sóng	15 phút
Tin trong nước	6
Phóng sự ngắn trong nước	2
Tin quốc tế	5

13.01.00.02.00 Bản tin thời sự ghi âm phát sau

1. BẢN TIN THỜI SỰ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 5 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:

+ Đề xuất chủ đề

- + Duyệt chủ đề
 - + Tác nghiệp tại hiện trường
 - + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
 - + Viết lời dẫn và nội dung tin
 - + Duyệt tin
 - + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
 - + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.
 - Biên tập tin quốc tế:
 - + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
 - + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
 - + Duyệt lời dẫn, nội dung
 - Tổ chức sản xuất bản tin:
 - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
 - + Lập khung bản tin thời sự
 - + Duyệt khung bản tin
 - + Nhận tin bài và đơn đốc các đơn vị thực hiện
 - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Thu thanh bản tin
 - Dàn dựng bản tin
 - + Duyệt sản phẩm
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Bảng định mức sản xuất bản tin thời sự ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 05 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.02.01	<u>Nhân công</u> (Chức danh - cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,21	0,17	0,13	0,08	0,03
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,14	0,12	0,09	0,07	0,05
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,04	0,04	0,03	0,02	0,02
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,04	0,03	0,03	0,03	0,03
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	1,57	1,25	0,94	0,63	0,23
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	0,47	0,37	0,28	0,19	0,07
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,27	0,26	0,26	0,26	0,25
	Máy ghi âm		Giờ	9,67	7,73	5,80	3,87	1,45
	Máy in		Giờ	0,02	0,02	0,02	0,02	0,01
	Máy tính		Giờ	4,55	3,73	2,92	2,10	1,08
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							

	Giấy	A4	Ram	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

Ghi chú: Số lượng tin	
Thời lượng phát sóng	05 phút
Tin trong nước	4
Tin quốc tế	3

2. BẢN TIN THỜI SỰ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 10 PHÚT, 15 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin trong nước:

+ Đề xuất chủ đề

+ Duyệt chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn và nội dung tin

+ Duyệt tin

+ Thu dẫn và dựng tin tiếng động

+ Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự trong nước:

+ Đề xuất ý tưởng

+ Duyệt ý tưởng

+ Tìm thông tin liên quan đến chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn, lời bình phóng sự

+ Duyệt phóng sự

+ Trích âm thanh phỏng vấn

+ Thu thanh phóng sự

+ Dựng phóng sự

+ Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.

- Biên tập tin quốc tế:

+ Tìm thông tin liên quan đến chủ đề

- + Biên dịch và biên tập lời dẫn, nội dung tin
 - + Duyệt lời dẫn, nội dung
 - Tổ chức sản xuất bản tin:
 - + Chọn lọc tin, bài từ các nguồn tin
 - + Lập khung bản tin thời sự
 - + Duyệt khung bản tin
 - + Nhận tin bài và đôn đốc các đơn vị thực hiện
 - + Biên tập tin và phóng sự linh kiện trong nước (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Biên tập tin, phóng sự linh kiện quốc tế (biên tập mới và biên tập lại tin bài các Phóng viên gửi về)
 - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính trong bản tin
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Thu thanh bản tin
 - + Dàn dựng bản tin
 - + Duyệt sản phẩm
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Định mức sản xuất bản tin thời sự ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 10 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.02.02	<u>Nhân công</u> (Chức danh-cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,28	0,23	0,17	0,11	0,04
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,24	0,20	0,16	0,12	0,08

	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,07	0,06	0,04	0,03	0,02
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,07	0,07	0,07	0,07	0,07
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,11	0,10	0,09	0,08	0,06
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,06	0,06	0,05	0,05	0,05
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	3,25	2,60	1,95	1,30	0,49
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	1,30	1,04	0,78	0,52	0,19
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,86	0,77	0,69	0,60	0,49
	Máy ghi âm		Giờ	18,08	14,47	10,85	7,23	2,71
	Máy in		Giờ	0,04	0,04	0,04	0,03	0,03
	Máy tính		Giờ	8,06	6,56	5,05	3,54	1,66
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
	Mực in		Hộp	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02

Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự	
Thời lượng phát sóng	10 phút
Tin trong nước	5
Phóng sự ngắn trong nước	1
Tin quốc tế	4

b2) Thời lượng 15 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.01.00.02.03	<u>Nhân công</u> (Chức danh-cấp bậc)							
	Biên dịch viên hạng III	4/9	Công	0,28	0,23	0,17	0,11	0,04
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,34	0,29	0,23	0,18	0,11
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,09	0,07	0,06	0,02	0,02
	Biên tập viên hạng III	3/9	Công	0,13	0,13	0,13	0,13	0,13
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,20	0,18	0,16	0,14	0,11
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,10	0,09	0,09	0,08	0,08
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	4,93	3,94	2,96	1,97	0,74
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	2,11	1,69	1,27	0,84	0,32
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	1,60	1,43	1,26	1,09	0,87
	Máy ghi âm		Giờ	26,50	21,20	15,90	10,60	3,98
	Máy in		Giờ	0,04	0,03	0,03	0,02	0,02
	Máy tính		Giờ	11,33	9,25	7,17	5,08	2,48
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,06	0,06	0,06	0,06	0,06
	Mực in		Hộp	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02

Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự	
Thời lượng phát sóng	15 phút
Tin trong nước	6
Phóng sự ngắn trong nước	2
Tin quốc tế	5

13.02.00.00.00 Bản tin chuyên đề ghi âm phát sau

1. BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ GHI ÂM PHÁT SAU THỜI LƯỢNG 5 PHÚT, 10 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin:

- + Đề xuất chủ đề
- + Duyệt chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn và nội dung tin
- + Duyệt tin
- + Thu dẫn và dựng tin tiếng động
- + Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự:

- + Đề xuất ý tưởng
- + Duyệt ý tưởng
- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Tổ chức sản xuất bản tin:
- + Lập khung bản tin

- + Duyệt khung bản tin
 - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính bản tin
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Thu thanh chương trình
 - + Dàn dựng bản tin
 - + Duyệt thành phẩm
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- b) Định mức sản xuất bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 05 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.02.00.00.01	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)							
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,11	0,09	0,07	0,05	0,03
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,03	0,03	0,02	0,02	0,01
	Biên tập viên	3/9	Công	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,05	0,04	0,04	0,04	0,03
	Phát thanh viên hạng III	5/10	Công	0,03	0,02	0,02	0,02	0,02
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	1,96	1,57	1,18	0,79	0,29
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	0,63	0,51	0,38	0,25	0,10

	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,31	0,30	0,29	0,28	0,26
	Máy ghi âm		Giờ	12,08	9,67	7,25	4,83	1,81
	Máy in		Giờ	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01
	Máy tính		Giờ	3,09	2,50	1,90	1,30	0,56
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

Ghi chú: Số lượng tin	
Thời lượng phát sóng	05 phút
Tin	5

b2) Thời lượng 10 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.02.00.00.02	<u>Nhân công</u> (Chức danh - Cấp bậc)							
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,21	0,17	0,13	0,09	0,05
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,05	0,04	0,03	0,02	0,01
	Biên tập viên	3/9	Công	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,13	0,11	0,10	0,08	0,06
	Phát thanh viên	5/10	Công	0,07	0,06	0,06	0,05	0,05

	hạng III							
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	4,04	3,23	2,42	1,62	0,61
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	1,59	1,27	0,95	0,64	0,24
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	0,94	0,84	0,73	0,63	0,50
	Máy ghi âm		Giờ	22,92	18,33	13,75	9,17	3,44
	Máy in		Giờ	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01
	Máy tính		Giờ	6,53	5,23	3,94	2,64	1,03
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

Ghi chú: Số lượng tin, phóng sự	
Thời lượng phát sóng	10 phút
Tin	7
Phóng sự ngắn	1

2. BẢN TIN CHUYÊN ĐỀ GHI ÂM PHÁT SAU, THỜI LƯỢNG 15 PHÚT

a) Thành phần công việc

- Sản xuất tin:

+ Đề xuất chủ đề

+ Duyệt chủ đề

+ Tác nghiệp tại hiện trường

+ Nghe lại và trích âm thanh phỏng vấn

+ Viết lời dẫn và nội dung tin

+ Duyệt tin

+ Thu dẫn và dựng tin tiếng động

+ Chuyển tin lên hệ thống lưu trữ.

- Sản xuất phóng sự:

+ Đề xuất ý tưởng

+ Duyệt ý tưởng

- + Tìm thông tin liên quan đến chủ đề
- + Tác nghiệp tại hiện trường
- + Nghe lại và rải băng âm thanh phỏng vấn
- + Viết lời dẫn, lời bình phóng sự
- + Duyệt phóng sự
- + Trích âm thanh phỏng vấn
- + Thu thanh phóng sự
- + Dựng phóng sự
- + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ.
- Sản xuất phỏng vấn:
 - + Đề xuất ý tưởng
 - + Duyệt ý tưởng
 - + Thu thập thông tin và liên hệ phỏng vấn
 - + Soạn thảo nội dung phỏng vấn
 - + Duyệt nội dung phỏng vấn
 - + Thống nhất kế hoạch, nội dung phỏng vấn với khách mời
 - + Thực hiện phỏng vấn
 - + Nghe lại và rải băng phỏng vấn
 - + Trích nội dung phỏng vấn
 - + Duyệt sản phẩm
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- Tổ chức sản xuất bản tin:
 - + Lập khung bản tin
 - + Duyệt khung bản tin
 - + Viết kịch bản: lời dẫn và tin chính của bản tin
 - + Duyệt kịch bản bản tin
 - + Thu thanh chương trình
 - + Dàn dựng bản tin
 - + Duyệt thành phẩm
 - + Chuyển sản phẩm lên hệ thống lưu trữ
- b) Định mức sản xuất bản tin chuyên đề ghi âm phát sau
- b1) Thời lượng 15 phút

Đơn vị tính: 01 bản tin chuyên đề

Mã hiệu	Thành phần hao phí		Đơn vị	Trị số định mức sản xuất chương trình không có thời lượng khai thác lại	Trị số định mức sản xuất chương trình có thời lượng tư liệu khai thác lại			
					Đến 30%	Trên 30% đến 50%	Trên 50% đến 70%	Trên 70%
13.02.00.00.03	<u>Nhân công</u>							
	(Chức danh - Cấp bậc)							
	Biên tập viên hạng III	6/9	Công	0,28	0,23	0,17	0,12	0,05
	Biên tập viên hạng III	8/9	Công	0,09	0,07	0,06	0,04	0,02
	Biên tập viên	3/9	Công	0,09	0,09	0,09	0,09	0,09
	Kỹ thuật viên	6/12	Công	0,18	0,16	0,14	0,13	0,11
	Phát thanh viên	5/10	Công	0,10	0,09	0,09	0,08	0,08
	Phóng viên hạng III	3/9	Công	5,72	4,57	3,43	2,29	0,86
	<u>Máy sử dụng</u>							
	Hệ thống dựng		Giờ	3,15	2,52	1,89	1,26	0,47
	Hệ thống phòng thu dựng		Giờ	1,29	1,18	1,07	0,96	0,83
	Máy ghi âm		Giờ	29,75	23,80	17,85	11,90	4,46
	Máy in		Giờ	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01
	Máy tính		Giờ	12,17	9,80	7,43	5,06	2,10
	<u>Vật liệu sử dụng</u>							
	Giấy	A4	Ram	0,05	0,05	0,05	0,05	0,05
	Mực in		Hộp	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01